

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3326** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **24** tháng **9** năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa)  
lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1778/TTr-NV ngày 23/5/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa) lĩnh vực công thương còn hiệu lực trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Công Thương tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGTCT;
- Lưu: VT, KSTTHC

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (CHUẨN HOÁ)  
LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Quyết định số **3326** /QĐ-UBND ngày **24** tháng **9** năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (145 TTHC)**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ (06 TTHC)**

| TT                                           | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                |                  | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Phí/ lệ phí | Cách thức thực hiện TTHC |          |              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú |
|----------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------|-------------|--------------------------|----------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                              |            |                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chuyên môn                                                                                                                                 | UBND TP          |                                         |             | Trực tiếp                | DVC TT   | Dịch vụ BCCI |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |
| I. Lĩnh vực Thương mại quốc tế (01 TTHC)     |            |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                    |                  |                                         |             |                          |          |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |
| 1                                            | 3.000242   | Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                    |                  |                                         |             |                          |          |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |
|                                              |            | - Đối với trường hợp đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 09/2023/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ)         | 15 ngày                                                                                                                                            | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương                          | Không có    | X                        | Một phần | Nhận kết quả | - Quyết định số 09/2023/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp và quản lý thẻ đi lại doanh nhân APEC;<br>- Quyết định số 5358/QĐ-BCA ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh thuộc phạm vi chức năng của Bộ Công an; |         |
|                                              |            | - Đối với doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam (theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quyết định số 09/2023/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ) | - 08 ngày làm việc tại Sở Công Thương;<br>- 20 ngày đối với các ngành liên quan (trường hợp phải xác minh nhiều nơi thì gia hạn không quá 15 ngày) | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương                          | Không có    | X                        | Một phần | Nhận kết quả | - Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                                                                                                                                                                      |         |
| II. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng (01 TTHC) |            |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                    |                  |                                         |             |                          |          |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |



|                                                |          |                                                                       |                                                                                                         |                  |                                |          |   |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------|----------|---|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                              | 2.000331 | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh | 25 ngày làm việc                                                                                        | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương                 | Không có | X | Một phần                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;</li> <li>- Quyết định số 5113/QĐ-BCT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh mục TTHC thuộc chức năng của Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| <b>III. Lĩnh vực cụm công nghiệp (01 TTHC)</b> |          |                                                                       |                                                                                                         |                  |                                |          |   |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1                                              | 1.012427 | Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp                                     | UBND cấp huyện: 10 ngày làm việc để xử lý công việc và 15 ngày tiếp nhận hồ sơ; Sở Công Thương: 25 ngày | 7 ngày làm việc  | UBND cấp huyện, Sở Công Thương | Không có | X | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;</li> <li>- Quyết định số 821/QĐ-BCT ngày 10/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục TTHC ban hành mới, TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</li> </ul>                                                                                                                                         |

## IV. Lĩnh vực công nghiệp nặng (03 TTHC)

|   |          |                                                                                                                                                                                  |                  |                  |                |          |   |          |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------------|----------|---|----------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 2.000427 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m <sup>3</sup>                                    | 40 ngày làm việc | 10 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: 92/2026/NĐ-CP ngày 11/01/2008; số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014; số 39/2013/TT-BCT ngày 31/01/2013; số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố. |
| 2 | 2.000433 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m <sup>3</sup>                                    | 40 ngày làm việc | 10 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 39/2013/TT-BCT ngày 31/01/2013; số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                        |
| 3 | 2.000453 | Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m <sup>3</sup> đến dưới 5.000m <sup>3</sup> | 40 ngày làm việc | 10 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 39/2013/TT-BCT ngày 31/01/2013; số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                        |



**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG (139 TTHC, TRONG ĐÓ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG 07 TT)**

| TT                                                             | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                  | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Phí/lệ phí                                                           | Cách thức thực hiện TTHC |            |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                                                |          |                                                                                                               |                                                      |                                         |                                                                      | Trực tiếp                | DVC TT     | Dịch vụ BCCI             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |
| I. Lĩnh vực điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo (11 TTHC) |          |                                                                                                               |                                                      |                                         |                                                                      |                          |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |
| 1                                                              | 2.001561 | Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện                                                              | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 13 ngày làm việc)  | Sở Công Thương                          | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 800.000đ/giấy phép   | X                        | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <div>- Các Nghị định của Chính phủ: số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013; số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;</div> <div>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016; số 36/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018; số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020;</div> <div>- Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</div> <div>- Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND thành phố về việc ủy quyền cho Sở Công Thương;</div> <div>- Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</div> |         |
| 2                                                              | 2.001632 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện                                             | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 07 ngày làm việc)  | Sở Công Thương                          | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 800.000đ/giấy phép   | X                        | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |
| 3                                                              | 2.001617 | Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại Hải Phòng                  | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 13 ngày làm việc)  | Sở Công Thương                          | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 2.100.000đ/giấy phép | X                        | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |
| 4                                                              | 2.001549 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại Hải Phòng | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 07 ngày làm việc ) | Sở Công Thương                          | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 2.100.000đ/giấy phép | X                        | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |

|   |          |                                                                               |                                                     |                |                                                                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 5 | 2.001535 | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV                     | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 11 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 700.000đ/ giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 6 | 2.001266 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV    | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 07 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 700.000đ/ giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 7 | 2.001249 | Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV                  | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 13 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 700.000đ/ giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 8 | 2.001724 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV | 15 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 07 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 700.000đ/ giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 9 | 2.000621 | Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện                                        | 20 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 06 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Không có                                                            | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014; số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công Thương quy định chi |  |



[illegible]

|                                                                 |          |                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                               | 1.001304 | Xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hải Phòng                 | 50 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 30 ngày làm việc)                                                                                                                                                                                                                                                      | Sở Công Thương | Không có       | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015; số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015;<br>- Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố. |
| <b>IV. Lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp (16 TTHC)</b> |          |                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1                                                               | 2.001547 | Cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp     | - 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.<br>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính. | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017;<br>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất;<br>- Quyết định số 2544/QĐ-                                                          |
| 2                                                               | 2.001175 | Cấp lại Giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 05 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Sở Công Thương | 600.000 đồng   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |



|   |          |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                |   |            |                          |                                                                                                                                                                                             |  |
|---|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 3 | 2.001172 | Cấp điều chỉnh Giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp   | - 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.<br>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính. | Sở Công Thương | 600.000 đồng   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 914/QĐ-CT ngày 10/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |  |
| 4 | 1.002758 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp            | - 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.<br>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính. | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                             |  |
| 5 | 2.001161 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp        | 05 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Sở Công Thương | 600.000 đồng   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                             |  |
| 6 | 2.000652 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | - 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.<br>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính. | Sở Công Thương | 600.000 đồng   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                             |  |

|   |          |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |                |   |            |                          |  |  |
|---|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|---|------------|--------------------------|--|--|
| 7 | 1.011506 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</li> <li>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</li> </ul> | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |  |
| 8 | 1.011507 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp        | 05 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Sở Công Thương | 600.000 đồng   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |  |
| 9 | 1.011508 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</li> <li>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</li> </ul> | Sở Công Thương | 600.000 đồng   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |  |

|    |          |                                               |                  |                |                                                                                                                                                                                                        |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|----|----------|-----------------------------------------------|------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 10 | 2.001434 | Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương | <p>- Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu phí = <math>90\% \times 3.500.000đ = 3.150.000đ</math>. (Từ ngày 01/01/2026 trở đi quay lại áp dụng mức thu phí = 3.500.000đ).</p> | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <p>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;<br/>         - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương;<br/>         - Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br/>         - Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</p> |  |
|----|----------|-----------------------------------------------|------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|



|    |          |                                                                         |                  |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |            |                          |  |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|--|
| 11 | 2.001433 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp                       | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương | Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu = 50% x 3.500.000đ<br>* Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép có thay đổi về đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu = 3.500.000đ | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |
| 12 | 2.000229 | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp | 20 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |

|    |          |                                                                                                                             |                  |                |          |   |            |                          |  |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|----------|---|------------|--------------------------|--|
| 13 | 2.00021  | Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (trong trường hợp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng) | 03 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |
| 14 | 2.000221 | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ                                                          | 18 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |
| 15 | 2.000172 | Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ (trong trường hợp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng)      | 03 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |
| 16 | 1.003401 | Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp                                                                           | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |  |

**V. Lĩnh vực an toàn thực phẩm (02 TTHC)**

|   |          |                                                                                                 |                  |                |                                                                                                                                                                                                   |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 2.000591 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm | 25 ngày làm việc | Sở Công Thương | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000đ</li> <li>- Đối với cơ sở sản xuất: 2.500.000đ</li> <li>- Đối với cơ sở vừa sx vừa kinh doanh: 3.500.000đ</li> </ul> | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016, số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC;</li> <li>- Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 27/2018/QĐ-</li> </ul> |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                              |          |                                                                                                     |                  |                |                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|----------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|---------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                              |          |                                                                                                     |                  |                |                     |   |            |                          | UBND ngày 14/9/2019 của UBND thành phố Hải Phòng;<br>- Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
| 2                                            | 2.000535 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm | 03 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có            | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;<br>- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;<br>- Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016, số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC;<br>- Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của UBND thành phố Hải Phòng;<br>- Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |  |
| <b>VI. Lĩnh vực kinh doanh khí (24 TTHC)</b> |          |                                                                                                     |                  |                |                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 1                                            | 2.000073 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai                                              | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018;<br>- Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 của Bộ Công Thương;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 2                                            | 2.000207 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai                                          | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |



|    |          |                                                                                  |                  |                |                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                           |  |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|---------------------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 3  | 2.000201 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai                | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố. |  |
| 4  | 2.000194 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn                         | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 5  | 2.000187 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn                     | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 6  | 2.000175 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn              | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 7  | 2.000196 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải            | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 8  | 1.000425 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải        | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 9  | 2.000180 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 10 | 2.000387 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải            | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 11 | 2.000376 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải        | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                           |  |

|    |          |                                                                                  |                  |                |                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|---------------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | 2.000371 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 13 | 2.000163 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải            | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 14 | 1.000444 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải        | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 15 | 2.000211 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 16 | 2.000142 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG              | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000đ          | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về kinh doanh khí;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| 17 | 2.000136 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG          | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có            | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về kinh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|    |          |                                                                                |                  |                |           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|-----------|---|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18 | 2.000078 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có  | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | doanh khí;<br>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                                                                                                  |
| 19 | 2.000166 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG            | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về kinh doanh khí;<br>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC ban hành mới, TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| 20 | 2.000390 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có  | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về kinh doanh khí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 21 | 2.000156 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG        | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có  | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch                                                                                                                                                                                                                                                          |



|    |          |                                                                                |                  |                |           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|-----------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |          |                                                                                |                  |                |           |   |            |                          | UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC ban hành mới, TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 22 | 2.000354 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG            | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000 | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về kinh doanh khí;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</li> </ul>                                                       |  |
| 23 | 1.000481 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có  | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về kinh doanh khí;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC ban hành mới, TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</li> </ul> |  |
| 24 | 2.000279 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG        | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có  | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về kinh doanh khí;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC ban hành mới, TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</li> </ul> |  |

VII. Lĩnh vực Thương mại quốc tế: 21 TTHC (Thẩm quyền giải quyết của Sở: 21 TTHC, Thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế: 05 TTHC)

|   |          |                                                                                     |                  |                                   |                          |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | 2.000063 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Phòng | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương                    | 3.000.000 đồng/Giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>  |  |
|   |          |                                                                                     | 05 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng | Không có                 | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- QĐ số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.</li> </ul> |  |

|   |          |                                                                                            |                  |                                   |                          |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | 2.000347 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Phòng | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương                    | 1.500.000 đồng/Giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>  |
|   |          |                                                                                            | 05 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng | Không có                 | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- QĐ số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.</li> </ul> |



|   |          |                                                                                         |                  |                                   |                          |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 3 | 2.000450 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Phòng | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương                    | 1.500.000 đồng/Giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>  |  |
|   |          |                                                                                         | 05 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng | Không có                 | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- QĐ số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.</li> </ul> |  |

|   |          |                                                                                         |                  |                                   |                          |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 4 | 2.000327 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Phòng | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương                    | 1.500.000 đồng/Giấy phép | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>  |  |
|   |          |                                                                                         | 05 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng | Không có                 | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- QĐ số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.</li> </ul> |  |

|   |          |                                                                                                                    |                  |                                   |          |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|----------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | 2.000314 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Hải Phòng                                 | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương                    | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>  |
|   |          |                                                                                                                    | 05 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- QĐ số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.</li> </ul> |
| 6 | 2.000255 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa | 10 ngày làm việc | Sở Công Thương                    | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |



|    |          |                                                                                                                                                                                         |                  |                |          |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|----------|---|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 7  | 2.000370 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn                           | 28 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                                                                                                    |  |
| 8  | 2.000362 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí           | 28 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 9  | 2.000351 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP               | 28 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 10 | 2.000340 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài                                                                                                               | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 11 | 2.000330 | Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện các hoạt động quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP | 28 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 1280/QĐ-CT ngày 10/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố. |  |

|    |          |                                                                                                                                                                                                 |                  |                |          |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|----------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 12 | 2.000272 | Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP                                                                          | 28 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |  |
| 13 | 2.000361 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)                                  | 20 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 14 | 1.000774 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)                                                               | 58 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 15 | 2.000339 | Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | 05 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |

|                                                     |          |                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                              |                |          |   |            |                          |                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16                                                  | 2.000334 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2 | 05 ngày làm việc                                                             | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                      |
| 17                                                  | 2.000322 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại                                                                                                                                                                  | 20 ngày làm việc                                                             | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                      |
| 18                                                  | 2.002166 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini                                                                                                 | 58 ngày làm việc                                                             | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                      |
| 19                                                  | 2.000665 | Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ                                                                                                                                                                                                                    | 05 ngày làm việc                                                             | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                      |
| 20                                                  | 1.001441 | Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ                                                                                                                                                                                                                    | 05 ngày làm việc                                                             | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                      |
| 21                                                  | 2.000662 | Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động                                                                                                                                                                          | 40 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ từ Bộ Công Thương | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                      |
| <b>VIII. Lĩnh vực xúc tiến thương mại (11 TTHC)</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                              |                |          |   |            |                          |                                                                                                                      |
| 1                                                   | 2.000004 | Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01                                                                                                                                              | 05 ngày làm việc                                                             | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng |



|   |          |                                                                                                                                                                             |                                                                                                |                |          |   |            |                          |                                                                                                                                                                               |  |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |          | tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                                                                                                       |                                                                                                |                |          |   |            |                          | Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.               |  |
| 2 | 2.000002 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 05 ngày làm việc                                                                               | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                               |  |
| 3 | 2.000033 | Thông báo thực hiện khuyến mại                                                                                                                                              | Hồ sơ gửi tối thiểu trước 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại                      | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                               |  |
| 4 | 2.001474 | Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại                                                                                                                 | 01 ngày làm việc                                                                               | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                               |  |
| 5 | 2.000131 | Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hàng năm                                                                                                                      | 7 ngày làm việc (Cắt giảm còn 5 ngày làm việc)                                                 | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                               |  |
| 6 | 2.000001 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hàng năm                                                                                                     | 7 ngày làm việc (Cắt giảm còn 5 ngày làm việc)                                                 | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                               |  |
| 7 | 2.002604 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam                                                                          | - 20 ngày ;<br>- 40 ngày<br>(Trong trường hợp phải xin ý kiến của các Bộ: Công an, Quốc phòng) | Sở Công Thương | Không có | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018; số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024;<br>- Quyết định số 469/QĐ-BCT ngày 05/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; |  |
| 8 | 2.002607 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam                                                                      | 14 ngày                                                                                        | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực                                                                   |  |

|    |          |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                     |                |          |   |            |                          |                                               |  |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------|--|
| 9  | 2.002605 | Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam                       | 14 ngày                                                                                                                                                             | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |  |
| 10 | 2.002608 | Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam | 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, xem xét chấp thuận và rút Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc                                                                 | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                               |  |
| 11 | 2.002606 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam                       | - 14 ngày đối với hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 ND số 28/2018/ND-CP.<br>- 26 ngày đối với hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 ND số 28/2018/ND-CP | Sở Công Thương | Không có | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                               |  |

## IX. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (27 TTHC)

|   |          |                                                           |                  |                |            |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|---|----------|-----------------------------------------------------------|------------------|----------------|------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | 2.001624 | Cấp Giấy phép bán buôn rượu                               | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000đ | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 105/2017/ND-CP ngày 14/9/2017; số 17/2020/ND-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |  |
| 2 | 2.000636 | Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu                           | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 3 | 2.001619 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu              | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 4 | 2.000190 | Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá                  | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | 1.200.000đ | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 5 | 2.000176 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có   | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |



|    |          |                                                                                                                                                                         |                                                     |                |                                       |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 6  | 2.000167 | Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá trong trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy | 15 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 7  | 2.000674 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu                                                                                                      | 30 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 20 ngày làm việc) | Sở Công Thương | 1.200.000đ/<br>lần thẩm định          | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014; số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021; số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014; số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</li> </ul> |  |
| 8  | 2.000666 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu                                                                                     | 30 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 20 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 9  | 2.000664 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu                                                                                                  | 30 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 20 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 10 | 2.000673 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu                                                                                                               | 20 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | 1.200.000đ/<br>lần thẩm định          | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 11 | 2.000669 | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu                                                                                              | 20 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 12 | 2.000672 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu                                                                                                           | 20 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 13 | 2.000648 | Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu                                                                                                               | 20 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 15 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Phí thẩm định:<br>1.200.000 đồng/giấy | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 14 | 2.000645 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu                                                                                              | 20 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |



|    |          |                                                                                           |                  |                |                                       |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|---|------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | 2.000647 | Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu                             | 20 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 16 | 1.010696 | Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ    | 5 ngày làm việc  | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014;</li> <li>- Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</li> </ul> |
| 17 | 2.001646 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)                  | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần cấp | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                      |
| 18 | 2.001630 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)              | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần cấp | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 19 | 2.001636 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm) | 07 ngày làm việc | Sở Công Thương | Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần cấp | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 20 | 2.000626 | Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                                                | 10 ngày làm việc | Sở Công Thương | 2.200.000đ                            | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        |
| 21 | 2.000204 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                               | 15 ngày làm việc | Sở Công Thương | Không có                              | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

[illegible]



|                                                |          |                                                                            |                                                     |                |              |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------|--------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                              | 2.000191 | Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung                       | 30 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 20 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Không có     | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ;<br>- Quyết định số 1372/QĐ-BCT ngày 05/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Công;<br>- Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC trong lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.               |
| XI. Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp (04 TTHC) |          |                                                                            |                                                     |                |              |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                                              | 2.000309 | Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương                           | 10 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 07 ngày làm việc) | Sở Công Thương | Không có     | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ;<br>- Quyết định số 1299/QĐ-BCT ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương<br>- Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC trong lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.         |
| 2                                              | 2.000631 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | 07 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | Không có     | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3                                              | 2.000609 | Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp           | 7 ngày làm việc<br>(Cắt giảm còn 05 ngày làm việc)  | Sở Công Thương | Không có     | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 4                                              | 2.000619 | Thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương                  | 10 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | Không có     | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| XII. Lĩnh vực khoa học công nghệ (01 TTHC)     |          |                                                                            |                                                     |                |              |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                                              | 2.000046 | Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy                              | 05 ngày làm việc                                    | Sở Công Thương | 150.000 đồng | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008; số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007;<br>- Các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; số |



|                                                                                                                                                      |          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                                                                                      |          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                           |   |            |                          | 29/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016; số 33/2017/TT-BCT ngày 28/12/2018; số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
| XIII. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu: 22 TTHC (Thẩm quyền giải quyết của Sở: 22 TTHC; Thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng: 02 TTHC) |          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 1                                                                                                                                                    | 1.000665 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016; số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020; số 03/2023/TT-BCT ngày 14/02/2023;<br>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;<br>- Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương: số 3264/QĐ-BCT ngày 09/12/2019; số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024;<br>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố. |  |

|   |          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                   |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---|----------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          | Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa (C/O mẫu D)                | 04 giờ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng | Không có                                                  | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016; số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020; số 03/2023/TT-BCT ngày 14/02/2023;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 3264/QĐ-BCT ngày 09/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- QĐ số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.</li> </ul> |
| 2 | 1.000695 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu E | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương                    | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016; số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020; số 03/2023/TT-BCT ngày 14/02/2023;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương: số 3264/QĐ-BCT ngày 09/12/2019; số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-</li> </ul>                                                                |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                         |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố. |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|



|   |          |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---|----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | 1.000603 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; 26/2018/TT-BCT ngày 14/9/2018; số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014; số 13/2019/TT-BCT ngày 31/7/2019;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
|---|----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |          |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---|----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | 1.000432 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AJ | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 37/2022/TT-BCT ngày 23/12/2022; số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014; số 13/2019/TT-BCT ngày 31/7/2019;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 3302/QĐ-BCT ngày 22/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
|---|----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |          |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---|----------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | 2.000303 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AI   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống.</li> <li>- Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a>;</li> <li>- Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ đối với trường hợp thương nhân nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O;</li> <li>- Trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư đối với trường hợp thương nhân gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O.</li> </ul> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; 15/2010/TT-BCT ngày 15/4/2010;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| 6 | 1.000694 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AANZ | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015; số 07/2020/TT-BCT ngày 30/3/2020; số 02/2024/TT-BCT ngày 18/01/2024;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                             |



|   |          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|---|----------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |          |                                                         | kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br>www.ecosys.gov.vn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                           |   |            |                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 310/QĐ-BCT ngày 06/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 7 | 1.000676 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu S | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br>www.ecosys.gov.vn | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; 04/2010/TT-BCT ngày 25/01/2010;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |  |

|   |          |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                              |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---|----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8 | 2.000260 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống.</li> <li>- Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a>;</li> <li>- Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ đối với trường hợp thương nhân nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O;</li> <li>- Trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư đối với trường hợp thương nhân gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O.</li> </ul> | Sở Công Thương | 60.000 đồng<br>(Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 17/2011/TT-BCT ngày 14/4/2011;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
|---|----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |          |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---|----------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9 | 1.000686 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VJ | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br>www.ecosys.gov.vn | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 10/2009/TT-BCT ngày 18/5/2009;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
|---|----------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



|    |          |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | 1.000664 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VC | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013; số 05/2015/TT-BCT ngày 27/3/2015;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| 11 | 1.000431 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VK | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013; 48/2015/TT-BCT ngày 14/12/2015 sửa đổi Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015; số 09/2022/TT-BCT ngày 01/06/2022;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-</li> </ul>                                                          |

|    |          |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
|----|----------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |          |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                           |   |            |                          | CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 12 | 1.000382 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EAV | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống.</li> <li>- Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a>;</li> <li>- Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ đối với trường hợp thương nhân nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O;</li> <li>- Trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư đối với trường hợp thương nhân gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O.</li> </ul> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 21/2016/TT-BCT ngày 20/9/2016; 01/2024/TT-BCT ngày 05/01/2014;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |  |



|    |          |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | 1.001298 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập                                                             | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| 14 | 1.001370 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |



|    |          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|----------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | 1.001380 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| 16 | 1.001383 | Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)     | Trong thời hạn 4 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp lại C/O và hồ sơ đề nghị cấp lại C/O đầy đủ và hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|  |  |  |        |                                               |          |   |               |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|--|--|--|--------|-----------------------------------------------|----------|---|---------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | 04 giờ | Ban<br>Quản lý<br>Khu<br>Kinh tế<br>Hải Phòng | Không có | X | Toàn<br>trình | Nộp hồ<br>sơ và<br>trả kết<br>quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016; số 10/2019/TT-BCT ngày 22/7/2019; số 25/2019/TT-BCT ngày 14/11/2019; số 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020; số 03/2023/TT-BCT ngày 14/02/2023;</li> <li>- Quyết định số 3264/QĐ-BCT ngày 09/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.</li> </ul> |  |
|--|--|--|--------|-----------------------------------------------|----------|---|---------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |          |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |                                                              |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|----------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | 1.003522 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng        | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng<br>(Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul>                                      |
| 18 | 2.001372 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br><a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng<br>(Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 06/2020/TT-BCT ngày 24/03/2020;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |



|    |          |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|----------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19 | 1.008361 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 08/2020/TT-BCT ngày 08/4/2020;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
|----|----------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|    |          |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|----------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20 | 1.008667 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống.</li> <li>- Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ <a href="http://www.ecosys.gov.vn">www.ecosys.gov.vn</a>;</li> <li>- Trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ đối với trường hợp thương nhân nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O;</li> <li>- Trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư đối với trường hợp thương nhân gửi hồ sơ qua bưu điện đến Tổ chức cấp C/O.</li> </ul> | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020; số 41/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022;</li> <li>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| 21 | 1.000400 | Cấp chứng thư xuất khẩu                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 8 giờ làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ của thương nhân và trả chứng thư xuất khẩu trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận cấp Chứng thư xuất khẩu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Sở Công Thương | Không có                                                  | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các Nghị định của Chính phủ: số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19/4/2019 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Quyết định số 3302/QĐ-BCT ngày 22/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685 ngày 29/3/2019; số 2072 ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                       |

|    |          |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                                                           |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|----|----------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |          |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                                                           |   |            |                          | 17/7/2020; số 1280 ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 22 | 1.007968 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK | Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên hệ thống. Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy đối với trường hợp thương nhân đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ<br>www.ecosys.gov.vn | Sở Công Thương | 60.000 đồng (Bộ Công Thương thu qua hình thức trực tuyến) | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; số 21/2019/TT-BCT ngày 08/11/2019;<br>- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023 của Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 142/QĐ-BCT ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019; số 2072/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; số 1280/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố. |  |

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỀN (13 TTHC)

| TT                                      | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả | Phí/lệ phí                                                  | Cách thức thực hiện TTHC |            |                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                            | Ghi chú |
|-----------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                         |          |                                                           |                     |                                         |                                                             | Trực tiếp                | DVC TT     | Dịch vụ BCCI             |                                                                                                                                                                                                           |         |
| I. Lĩnh vực kinh doanh khí (03 thủ tục) |          |                                                           |                     |                                         |                                                             |                          |            |                          |                                                                                                                                                                                                           |         |
| 1                                       | 2.001283 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 15 ngày làm việc    | UBND các quận, huyện                    | - Đối với doanh nghiệp là: 1.200.000đ/1 điểm/lần thẩm định; | X                        | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; |         |



|                                                              |          |                                                                        |                  |                      |                                                                                                                                                                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|--------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                              |          |                                                                        |                  |                      | - Đối với hộ kinh doanh: 1.400.000đ/1 điểm/lần thẩm định                                                                                                            |   |            |                          | - Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 2                                                            | 2.001270 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai          | 07 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Không có                                                                                                                                                            | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 3                                                            | 2.001261 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai   | 07 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Không có                                                                                                                                                            | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| <b>II. Lĩnh vực công nghiệp địa phương (01 TTHC)</b>         |          |                                                                        |                  |                      |                                                                                                                                                                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1                                                            | 2.002096 | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện | 30 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Không có                                                                                                                                                            | X | Một phần   | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012; số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014; số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018;<br>- Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 11/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |  |
| <b>III. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)</b> |          |                                                                        |                  |                      |                                                                                                                                                                     |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1                                                            | 2.000620 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                              | 10 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | - Phí thẩm định: 1.200.000 đ /điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với tổ chức, doanh nghiệp)<br>- Phí thẩm định: 400.000đ /điểm kinh doanh/lần thẩm định (đối với hộ | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.                                                                             |  |

|   |          |                                                                                |                  |                      |                                                        |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
|---|----------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|--------------------------------------------------------|---|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |          |                                                                                |                  |                      | kinh doanh,<br>cá nhân)                                |   |            |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 2 | 2.000615 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu                                     | 07 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Không có                                               | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 3 | 2.001240 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu                                                  | 07 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Không có                                               | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 4 | 2.000181 | Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá                                                  | 15 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | 400.000đ/ giấy                                         | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Các Nghị định của Chính phủ: số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;<br>- Các Thông tư của Bộ Công Thương: số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013; số 168/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016;<br>- Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |  |
| 5 | 2.000162 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá                                 | 15 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Không có                                               | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 6 | 2.000150 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá                                              | 15 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Không có                                               | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 7 | 2.000620 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                  | 10 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Phí thẩm định điều kiện kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 8 | 2.001240 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh              | 07 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Phí thẩm định điều kiện kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả | - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục TTHC lĩnh vực công thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.                                                                                                                   |  |
| 9 | 2.000615 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 07 ngày làm việc | UBND các quận, huyện | Phí thẩm định điều kiện kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần | X | Toàn trình | Nộp hồ sơ và trả kết quả |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |

